

Số: /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hòa Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực địa chất và khoáng sản giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 565/TTr-SNNMT ngày 21/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hòa Bình.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ công khai Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo quy định. Thời hạn hoàn thành chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Lưu: VT, NVK (Th.H,05b).

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình

Phụ lục

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÒA BÌNH**

Phần I.**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định
*	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH				
1	Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Khoáng sản	- Điều 28 Luật Khoáng sản năm 2010; - Điều 23, Điều 24 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoáng sản	- Điều 78 Luật Khoáng sản năm 2010; - Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân tỉnh

PHẦN II.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

* THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

1. Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Bộ, ngành có liên quan theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ:

- Công văn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;

- Bản thuyết minh gồm các nội dung chính: Căn cứ pháp lý và tài liệu làm cơ sở khoanh định; nguyên tắc, phương pháp khoanh định; kết quả khoanh định theo từng lĩnh vực và tổng hợp danh mục các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Mỗi khu vực phải có bảng tọa độ các điểm khép góc theo hệ tọa độ VN-2000, trừ khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản vì lý do quốc phòng, an ninh. Phụ lục chi tiết kèm theo mô tả thông tin của từng khu vực đã khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Bản đồ thể hiện các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm trên nền địa hình hệ tọa độ VN-2000, tỷ lệ từ 1/200.000 - 1/100.000, bao gồm cả đới hành lang bảo vệ, an toàn cho khu vực đã khoanh định (nếu có). Đối với các khu vực phức tạp, thể hiện trên các bản vẽ chi tiết tỷ lệ từ 1/25.000 - 1/10.000 hoặc lớn hơn.

d) Thời gian lấy ý kiến kết quả khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: Không quá 30 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

(1) Luật Khoáng sản năm 2010;

(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

2. Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khoáng sản để khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo các tiêu chí quy định tại Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

(1) Luật Khoáng sản năm 2010;

(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.